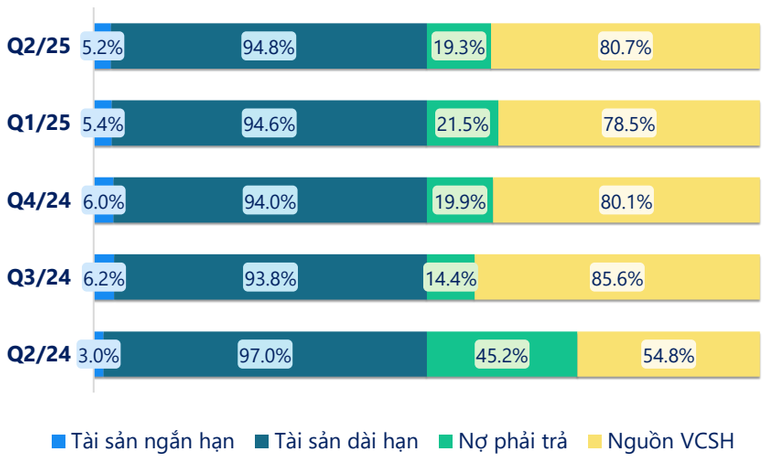
FireAnt

CTCP DHC Suối Đôi (UPCOM: DSD)

Thông tin giao dịch	30/06/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	16,500
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	16,058
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	7,949
SL cổ phiếu LH	47,100,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	45
% sở hữu nước ngoài	0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	777
P/E	43.9
EPS	376

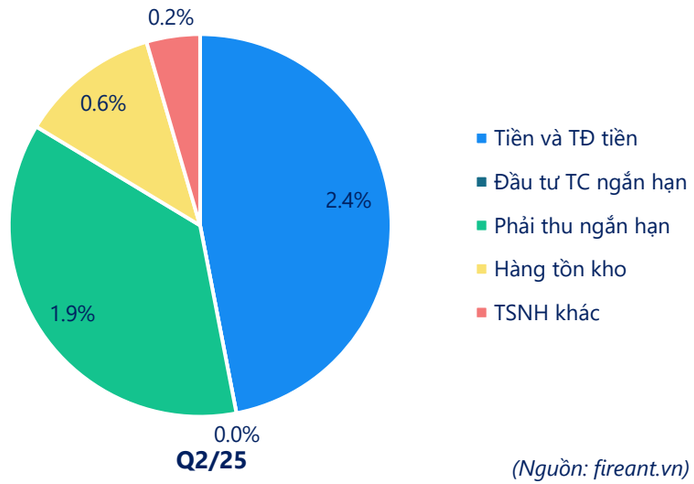
	YTD	1T	3T	6T
DSD	25.3%	107.6%	25.3%	28.4%
VNINDEX	8.4%	2.1%	5.3%	8.0%

Cơ cấu Tổng tài sản



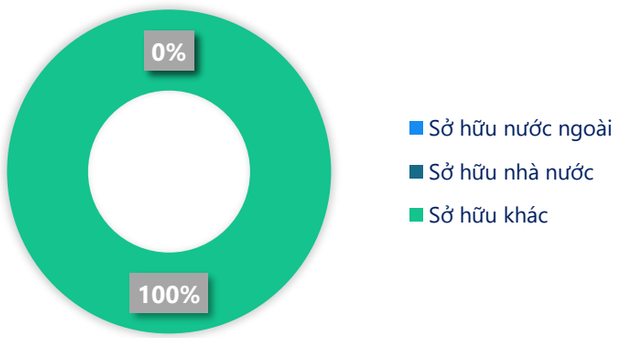
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



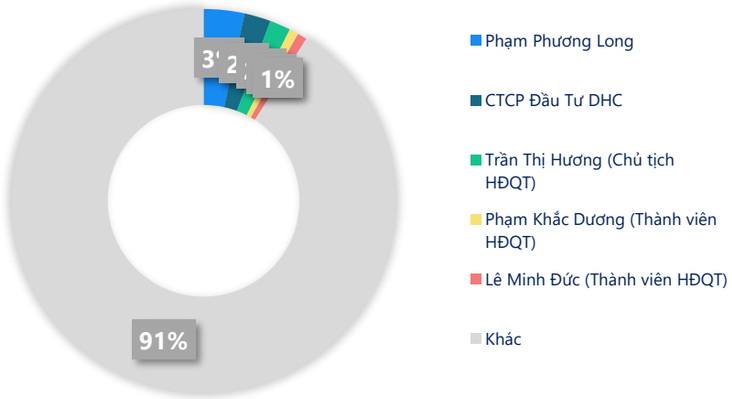
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu sở hữu



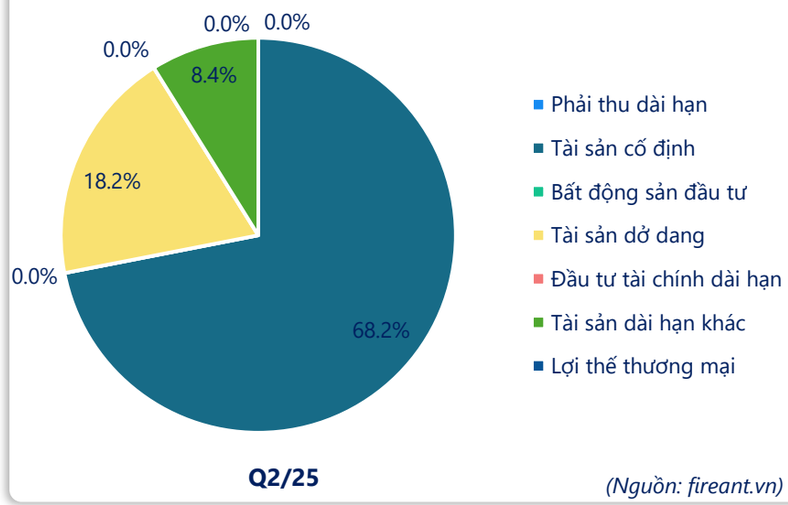
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS

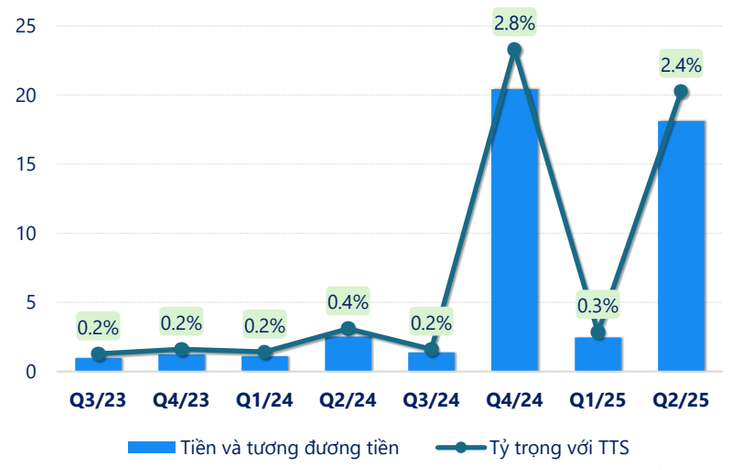


(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

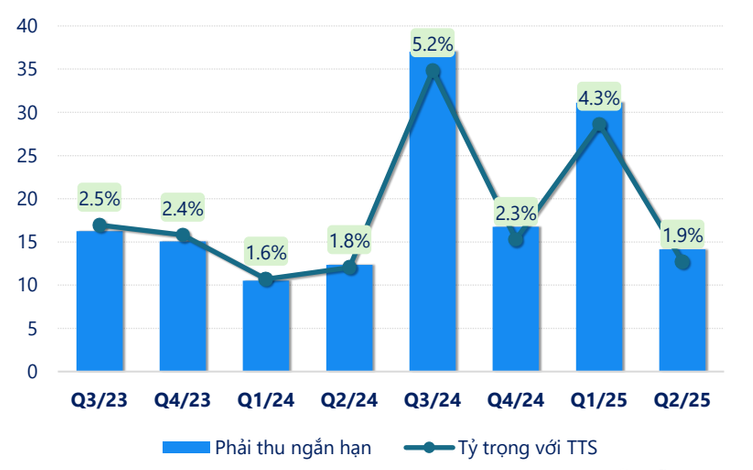
CTCP DHC Suối Đôi (UPCOM: DSD)

Tiền và tương đương tiền



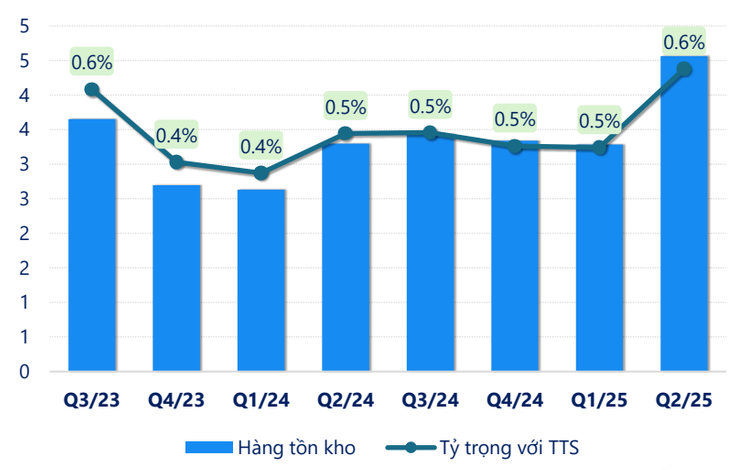
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



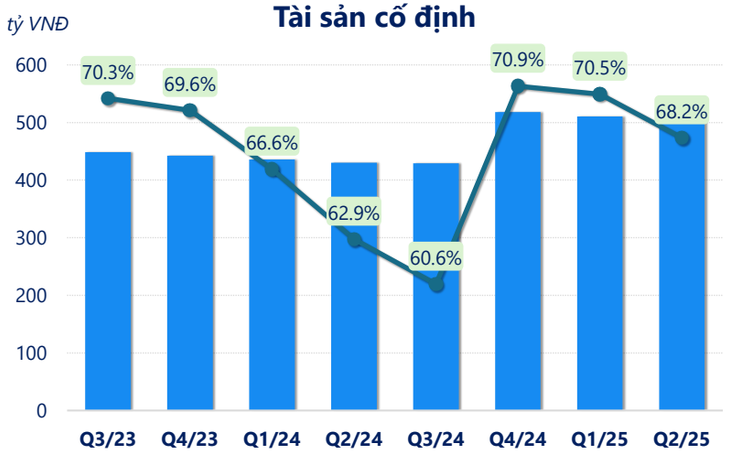
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



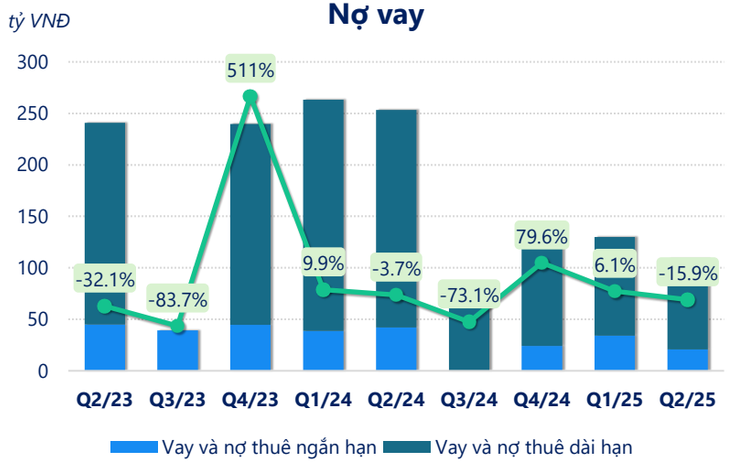
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



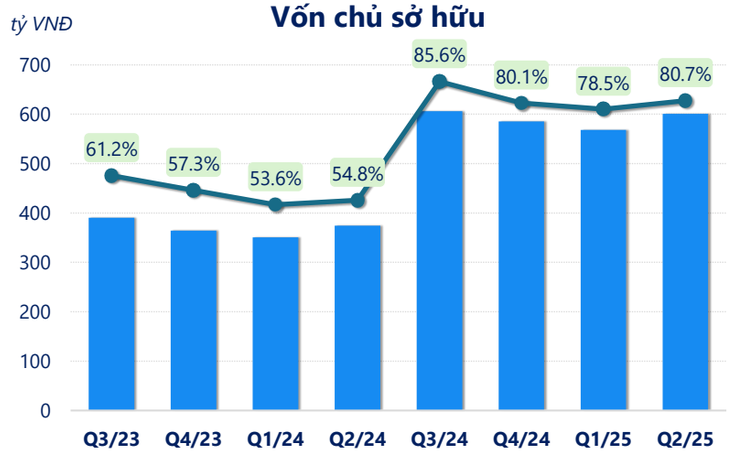
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu

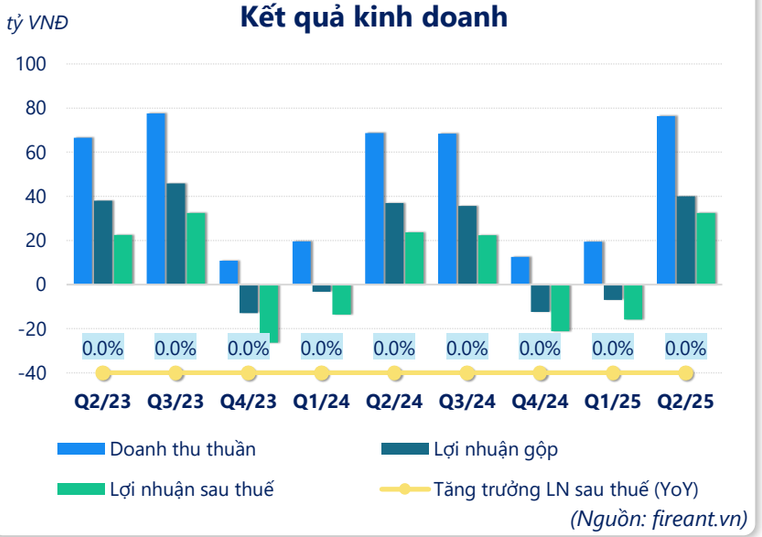


(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

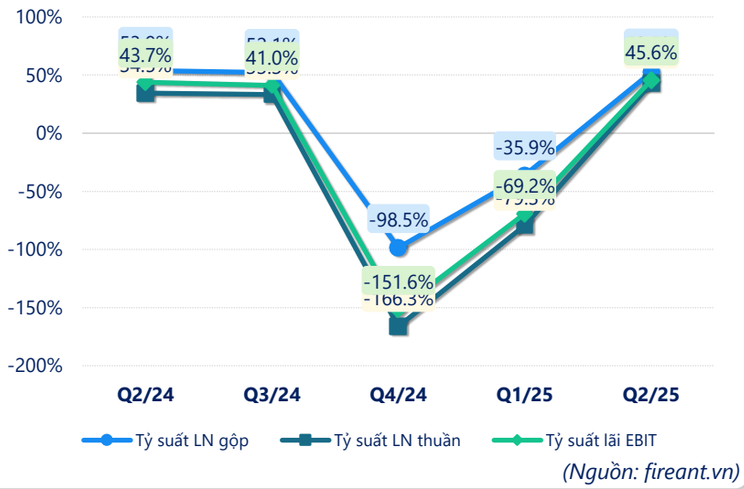
CTCP DHC Suối Đôi (UPCOM: DSD)

Kết quả kinh doanh



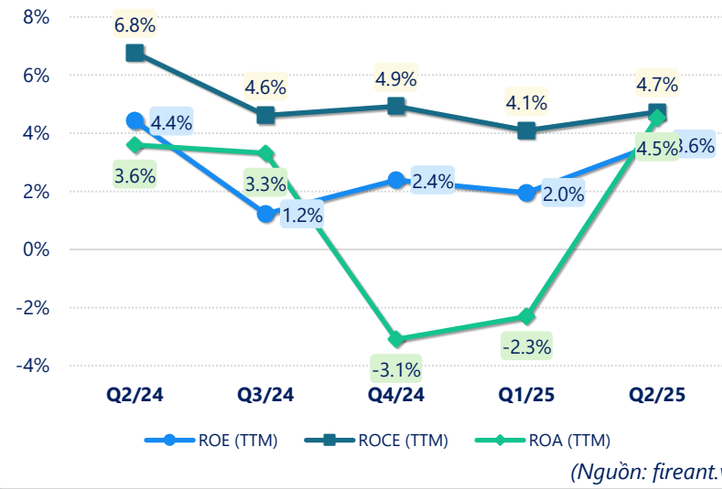
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất lợi nhuận



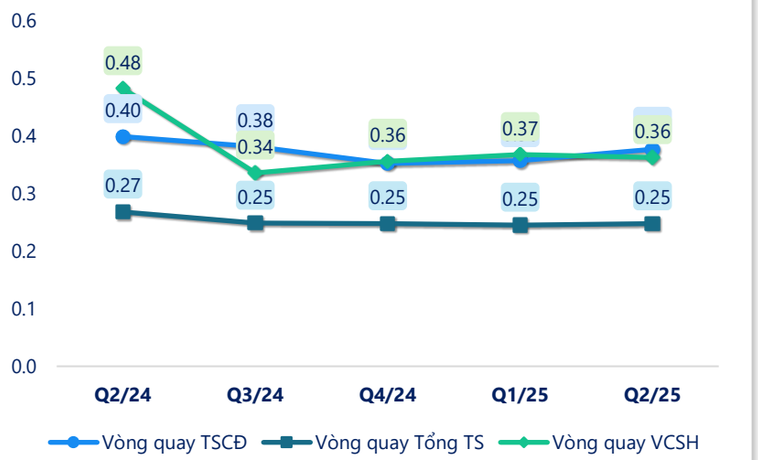
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



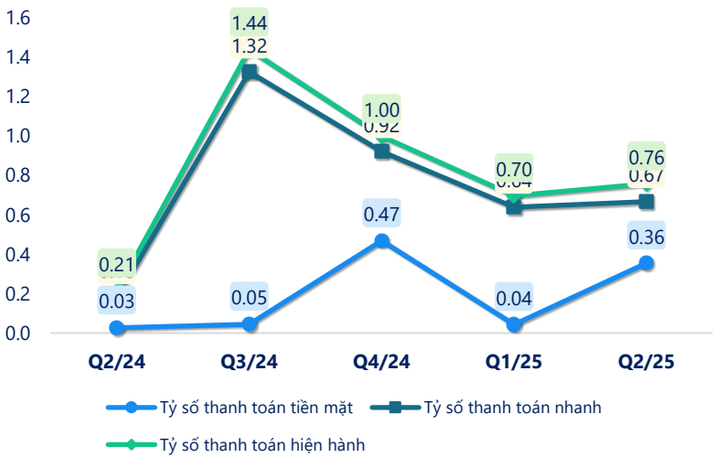
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



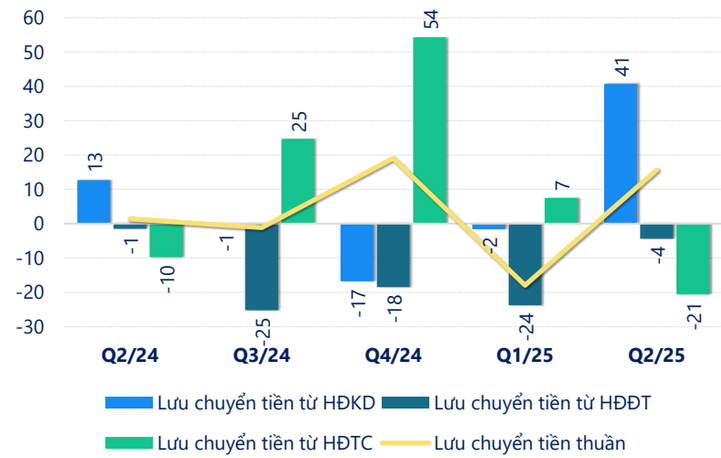
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền



(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

CTCP DHC Suối Đôi (UPCOM: DSD)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**745**	**731**	**1.8%**
Tài sản ngắn hạn	38.6	43.5	-11.3%
Tiền và tương đương tiền	18.1	20.4	-11.3%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	14.2	16.8	-15.6%
Hàng tồn kho	4.56	3.34	36.7%
Tài sản ngắn hạn khác	1.75	2.96	-41.1%
Tài sản dài hạn	**706**	**688**	**2.7%**
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	508	518	-2.0%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	135	103	31.9%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	**62.7**	**66.7**	**-6.1%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	144	147	-2.1%
Nợ ngắn hạn	**51.0**	**44.7**	**13.9%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	20.9	24.1	-13.4%
Phải trả người bán ngắn hạn	19.5	12.5	56.3%
Nợ dài hạn	92.6	102	-9.1%
Vay và nợ thuê dài hạn	88.5	98.4	-10.1%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**601**	**584**	**2.8%**
Vốn chủ sở hữu	**601**	**584**	**2.8%**
Vốn điều lệ	471	471	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Doanh thu thuần	68.6	68.4	12.5	19.5	76.4
Giá vốn hàng bán	31.6	32.7	24.9	26.5	36.3
Lợi nhuận gộp	37.0	35.6	-12.3	-6.99	40.1
Doanh thu HĐTC	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00
Chi phí TC	5.85	5.26	1.84	1.91	2.04
Chi phí lãi vay	5.85	5.26	1.64	1.91	2.03
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	4.59	4.73	3.08	2.04	3.87
Chi phí QLDN	2.88	2.89	3.58	4.49	1.35
LN thuần từ HĐKD	23.7	22.8	-20.9	-15.4	32.8
Lợi nhuận khác	0.46	-0.01	0.19	0.06	-0.01
LN trước thuế	24.1	22.8	-20.7	-15.4	32.8
Lợi nhuận sau thuế	23.7	22.3	-21.1	-15.9	32.4
LNST của CĐ cty mẹ	23.7	22.3	-21.1	-15.9	32.4

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ *(tỷ VNĐ)*	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	12.7	-0.61	-16.8	-1.61	40.7
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-1.46	-25.2	-18.4	-23.8	-4.44
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-9.80	24.6	54.3	7.46	-20.6
Tiền đầu kỳ	1.12	2.54	1.38	20.4	2.47
Lưu chuyển tiền thuần	**1.42**	**-1.16**	**19.0**	**-18.0**	**15.6**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	2.54	1.38	20.4	2.47	18.1

(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic